

Bản án số: 214/2025/DS - PT

Ngày: 22/5/2025

V/v: “*Tranh chấp lối đi, yêu cầu hủy*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Vân Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 52/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp lối đi, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1222/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim L**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1971; Địa chỉ: **Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Lê Ô** (chết); bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1948; Địa chỉ: **Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Nguyễn Hương Q1 -Luật sư Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh P; Địa chỉ: C M, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

+ Luật sư Nguyễn Thanh M; Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P.Xin xét xử vắng mặt

+ Luật sư Võ Hoàng K; Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P. Có mặt

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Ô (chết):

- Ông Lê R (chết).

- Bà Lê Thị Kim C1, sinh năm 1978. Xin xét xử vắng mặt

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1982. Có mặt

- Ông Lê Văn C2, sinh năm 1983. Xin xét xử vắng mặt

- Ông Lê Văn C3 (chết).

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1989. Xin xét xử vắng mặt

- Bà Lê Thị Kim N- sinh năm 1992. Xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã X, Sông C.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P. Xin xét xử vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Do có đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Ô: ông Lê Văn S, ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q thống nhất cùng trình bày: Diện tích đất hiện nay chúng tôi đang quản lý, sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh T1 và đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Khi nhận chuyển nhượng đất cũng như khi các cơ quan có thẩm quyền đến tại hiện trạng đất kiểm tra để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của tôi nhận chuyển nhượng có đường đi tồn tại như hiện nay, đường đi có diện tích rộng 1,2m, dài khoảng 40m để dùng chung, đường đi đã có từ trước rất lâu, bà con nhân dân trong khu vực hàng ngày thường xuyên đi lại, sinh hoạt, ra làm biển (thường gọi là **đường T**), không thuộc quyền quản lý, sử dụng riêng của ai. Khi chúng tôi chở vật liệu tiến hành xây dựng công trình hộ gia đình để kinh doanh thì vẫn đi lại trên con đường này thường ngày. Nay không biết vì lý do gì mà vợ chồng ông **Ô**, bà **C** cùng các con của ông **Ô**, bà **C** ngăn cản, không cho gia đình tôi đi lại trên con đường này, làm cho gia đình tôi bế tắc trong việc làm ăn kinh doanh. Ngoài con đường này gia đình tôi cùng các hộ gia đình trong khu vực đang dùng chung thì không còn con đường đi nào khác. Do đó, chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà **C** cùng các con của bà **C** chấm dứt hành vi cản trở gia đình tôi đi lại trên con đường này. Nếu có căn cứ con đường này là đất của ông **Ô**, bà **C** thì tôi đồng ý thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền theo giá của Hội đồng định giá đã xác định để gia đình tôi cùng các hộ gia đình trong khu vực có con đường đi lại sinh hoạt hàng ngày trong cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Ô chết. Tại đơn phản tố ngày 02/6/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị C cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ô, gồm các con: Lê Thị Kim C1, Lê Văn S, Lê Văn T, Lê Văn C2, Lê Thị Kim Đ, Lê Thị Kim N. Tại biên bản làm việc ngày 25/7/2024, bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn S, ông Lê Văn T cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hương Q1 thống nhất trình bày: Diện tích đất con đường đi mà nguyên đơn bà Lê Thị Kim L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q đang tranh chấp cùng cho rằng đất đường đi công cộng là không đúng. Diện tích đất đường đi này là thuộc diện tích đất 1.085m² (trong đó có 200m² đất thổ cư, 885m² đất quả) đã được Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thị xã S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/1997, thể hiện tờ bản đồ số 9, thửa số 19B do ông Lê Ô chủ hộ đứng tên. Hiện nay, tôi (Chính) cùng các con Sáng, C2, T sử dụng đi lại, ngoài ra không ai được đi lại trên con đường đi này. Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu thụ lý vụ án, bà L, ông Q cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 18/5/2020, thửa số 519, tờ bản đồ số 25, diện tích 373,7m² đứng tên bà Lê Thị Kim L có thể hiện lối đi là không đúng. Vì đó là đất của gia đình tôi chứ không phải lối đi như thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L. Chúng tôi phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Không chấp nhận lối đi là lối đi chung như nguyên đơn khởi kiện. Hủy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cấp ngày 18/5/2020, thửa số 519, tờ bản đồ số 25, diện tích 373,7m² đứng tên bà **Lê Thị Kim L**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cung cấp thông tin tại công văn số 3968/STNMT-Ttra ngày 17/10/2024: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Lê Thị Kim L** là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà **C** yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Lê Thị Kim L** là không có cơ sở. Vì đường đi đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà **L**.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không thành

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ Điều 34, 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng các Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18 Luật đất đai 1987, Điều 2 Luật đất đai 1993, Điều 26, 100, 101, 166, 170 Luật đất đai 2013; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** về việc yêu cầu tranh chấp lối đi.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Nguyễn Thị C** và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Lê Ô**, gồm: Bà **Lê Thị Kim C1**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn C2**, ông **Lê Văn T**, bà **Lê Thị Kim N**, bà **Lê Thị Đ** về việc “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được **Sở Tài nguyên**

và Môi trường tỉnh P cấp ngày 18/5/2020, thửa số 519, tờ bản đồ số 25, diện tích 373,7m² đứng tên bà Lê Thị Kim L’.

3. Bà Lê Thị Kim L được quyền sử dụng lối đi có diện tích 124,4m² để đi lại, kinh doanh, sinh hoạt thuận tiện trong đời sống hàng ngày theo quy định pháp luật. Buộc gia đình bị đơn bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ tháo dỡ 02 bức tường xây gạch chưa tô có diện tích 01m² và 02m² để gia đình nguyên đơn bà Lê Thị Kim L đi lại, kinh doanh thuận tiện. Buộc bà C cùng các con của bà C chấm dứt hành vi cản trở gia đình nguyên đơn bà Lê Thị Kim L đi lại, sử dụng lối đi chung diện tích 124,4m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L thanh toán cho hộ gia đình ông Lê Ô số tiền 20.000.000đ giá trị quyền sử dụng diện tích 124,4m² đất lối đi, do bà Nguyễn Thị C đại diện nhận.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Ô: ông Lê Văn S, ông Lê Văn T có kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn S, ông Lê Văn T, giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Nguyễn Văn Q (chồng bà L), xin tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị đơn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nằm ngoài số tiền mà Bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, ông

Lê Văn S, ông Lê Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm, đối với việc ông Q đại diện cho nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho gia đình bị đơn số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn S, ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 9, Điều 26, khoản 4, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn S, ông Lê Văn T, là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 124,4m², hiện đang sử dụng làm lối đi, Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và kết quả xác minh đã xác định được diện tích 124,4m², thuộc một phần diện tích thửa đất số 519, tờ bản đồ số 25, vị trí tại thôn V, xã X, thị xã S, Phú Yên, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/1997 cho hộ ông Lê Ô, vì vậy, phần diện tích đất tranh chấp để làm lối đi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Lê Ôn .

[2.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua kiểm tra hiện trạng đất, bản đồ địa chính đo đạc năm 1994, 2003, 2012 thì hiện nay gia đình bà Nguyễn Thị C cùng các con là ông S, ông C2, ông T cùng gia đình nguyên đơn bà Lê Thị Kim L đều sử dụng diện tích 124,4m² của gia đình ông Lê Ô để đi lại, gia đình bà Lê Thị Kim L sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng công trình đều sử dụng lối đi này để vận chuyển vật liệu; ngoài lối đi này ra thì gia đình nguyên đơn không còn lối đi nào khác. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L yêu cầu được sử dụng lối đi chung có diện tích 124,4m² để đi lại, sinh hoạt hàng ngày trong cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xác định lối đi chung với diện tích 124,4m², đồng thời buộc bà L phải thanh toán lại giá trị đất số tiền 20.000.000đ cho gia đình ông Ô là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp

luật. Kháng cáo của bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T** cho rằng gia đình bà **L** có lỗi đi khác; từ trước đến nay gia đình bà **L** sử dụng lỗi đi khác là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Nguyễn Thị C**, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông **Lê Ô** (chết), gồm: Bà **Lê Thị Kim C1**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn C2**, ông **Lê Văn T**, bà **Lê Thị Kim N**, bà **Lê Thị Đ** yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cấp ngày 18/5/2020, thửa số 519, tờ bản đồ số 25, diện tích 373,7m² đứng tên bà **Lê Thị Kim L**. Hội đồng xét xử xét thấy Giấy CNQSDĐ do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cấp cho bà **L** không liên quan gì đến diện tích đất của ông **Ô**, bà **C** nên tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà **L**, ông **Nguyễn Văn Q** (chồng bà **L**), xin tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị đơn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nằm ngoài số tiền mà Bản án sơ thẩm đã quyết định, Hội đồng xét xử ghi nhận sự hỗ trợ khoảng tiền nêu trên của nguyên đơn đối với gia đình bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, do không chấp nhận kháng cáo, bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T**, mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng các Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18 Luật đất đai 1987, Điều 2 Luật đất đai 1993, Điều 26, 100, 101, 166, 170 Luật đất đai 2013; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** về việc yêu cầu tranh chấp lối đi.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Nguyễn Thị C** và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Lê Ổ**, gồm: Bà **Lê Thị Kim C1**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn C2**, ông **Lê Văn T**, bà **Lê Thị Kim N**, bà **Lê Thị Đ** về việc “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P** cấp ngày 18/5/2020, thửa số 519, tờ bản đồ số 25, diện tích 373,7m² đứng tên bà **Lê Thị Kim L**”.

3. Bà **Lê Thị Kim L** được quyền sử dụng lối đi chung có diện tích 124,4m² để đi lại, kinh doanh, sinh hoạt thuận tiện trong đời sống hàng ngày theo quy định pháp luật. Buộc gia đình bị đơn bà **Nguyễn Thị C** có nghĩa vụ tháo dỡ 02 bức tường xây gạch chưa tô có diện tích 01m² và 02m² để gia đình nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** đi lại, kinh doanh thuận tiện. Buộc bà **C** cùng các con của bà **C** chấm dứt hành vi cản trở gia đình nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** đi lại, sử dụng lối đi chung diện tích 124,4m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** thanh toán cho hộ gia đình ông **Lê Ổ** số tiền 20.000.000đ giá trị quyền sử dụng diện tích 124,4m² đất lối đi, do bà **Nguyễn Thị C** đại diện nhận.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông **Nguyễn Văn Q** (chồng bà **L**) là người đại diện của nguyên đơn bà **Lê Thị Kim L** về việc hỗ trợ thêm cho hộ gia đình ông **Lê Ổ**, số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nằm ngoài số tiền mà Bản án sơ thẩm đã quyết định, do bà **Nguyễn Thị C** đại diện nhận.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T**, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền họ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại các **B** lại thu tiền tạm ứng án phí số 0007141; 0007142; 0007143 cùng ngày 03/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên, bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn S**, ông **Lê Văn T** đã nộp đủ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi